

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MINH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 01 năm 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thoả;
2. Ông Nguyễn Đình Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; nghề nghiệp: Cán bộ; dân tộc: Kinh; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1954; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 07/10/2021 và bản tự khai ngày 08/10/2021 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1954, quê quán xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định qua thời gian tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và đi đến việc kết hôn vào ngày 11/8/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang, sau khi kết hôn đến thời điểm tháng 12/2014 cả hai chuyển lên cư trú tại tổ 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc hai bên không có mâu thuẫn xảy ra, cho đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

do ông T thường xuyên đi làm ăn xa không quan tâm đến công việc gia đình cũng như việc chăm sóc nuôi dạy con cái, mỗi khi về nhà được ít ngày thì giữa hai vợ chồng lại xảy ra xung đột, cãi vã, bất đồng về quan điểm, lối sống dẫn đến không tôn trọng nhau, không có tình cảm yêu thương, quý trọng nhau, mặc dù cả hai đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Đến ngày 01/7/2018 ông Nguyễn Xuân T đã bỏ nhà đi biệt tích không có tin tức gì, mặc dù bà L cũng đã liên lạc tìm kiếm nhiều lần nhưng không rõ tung tích hiện nay ông T đang ở đâu, bản thân bà L một mình tự nuôi con vất vả. Nay bà L cần có một cuộc sống ổn định nên bà cũng đã tính đến chuyện ly hôn với ông T, nhưng trong quá trình giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích cho ông T bà L đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Minh giải quyết việc dân sự tuyên bố một người mất tích đối với ông T theo quy định của pháp luật, yêu cầu của bà L được Tòa án chấp nhận và giải quyết, tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 08/2021/QĐST-VDS ngày 20/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang đã tuyên bố ông Nguyễn Xuân T mất tích. Đến nay Quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà bà cùng gia đình và chính quyền địa phương vẫn không có tin tức gì về ông Nguyễn Xuân T, ông T mất tích đến nay thời gian cũng đã lâu, bà nhận thấy tình trạng hôn nhân của bà và ông T đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị L xác nhận quá trình chung sống ông bà có với nhau một con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/7/2016.

- Về tài sản, công nợ chung: Bà Nguyễn Thị L xác nhận bà và ông T không có tài sản chung, công nợ chung, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân T: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của vụ án, tuy nhiên ông T không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, đồng thời cũng không có văn bản nêu ý kiến, yêu cầu của mình đối với việc giải quyết vụ án do vậy trong hồ sơ không có yêu cầu, tài liệu, chứng cứ của bị đơn ông Nguyễn Xuân T.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/12/2021 có mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, vắng mặt bị đơn Nguyễn Xuân T không có lý do, tại phiên họp bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do vắng mặt ông T Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ra Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để niêm yết theo quy định; ngày 08/12/2021 bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/8/2021 tại Viện kiểm sát nhân dân, huyện Y, tỉnh Hà Giang đối với nơi công tác của bà L đã xác minh được bà Nguyễn Thị L là công chức trong biên chế, công việc chính là Kế toán, được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, có thu nhập ổn định là 6.922.000 đồng/tháng. Hiện bà L đang sống cùng con gái là cháu Nguyễn Xuân H tại tập thể cơ quan công tác thuộc Tổ 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/8/2021 tại Tổ 3 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang đã xác minh được ông Nguyễn Xuân T có hộ khẩu thường trú tại Tổ 3, thị trấn Y, tuy nhiên đến ngày 01/7/2018 ông T đã bỏ đi khỏi địa phương, sau đó đến năm 2021 bị Tòa án tuyên bố mất tích, đến nay không có tin tức gì về ông T; quá trình chung sống giữa ông T và bà L có 01 con chung hiện đang sống cùng bà L, bà L hiện là công chức có công việc và thu nhập ổn định; Về mức thu nhập bình quân trên địa bàn là khoảng 35.000.000 đồng/người/năm.

Tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện, về quan hệ hôn nhân bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T; về con chung: Bà L đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/7/2016 đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và công nợ chung: Bà L xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà L đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh phát biểu ý kiến:

1. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và nguyên đơn chấp hành đầy đủ pháp luật Tố tụng dân sự đã quy định, riêng bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý do hành vi của mình đã thực hiện.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Xuân T

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/7/2016 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đến khi cháu H đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Việc chấp hành pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ pháp luật tố tụng dân sự đã quy định, riêng bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng.

[2] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Xuân T, nơi cư trú cuối cùng trước khi bị Tòa án tuyên bố mất tích: Tổ 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Việc bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được văn bản tố tụng trực tiếp cho đương sự nên tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, do ông T vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án; ngày 07/01/2022 Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, ông T vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Do vậy tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử lần hai vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Xuân T đăng ký kết hôn với nhau 11/8/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn đến thời điểm tháng 12/2014 cả hai chuyển lên cư trú tại tổ 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình dẫn đến bất đồng về quan điểm, lối sống. Đến ngày 01/7/2018 ông T tự bỏ nhà đi biệt tích không rõ nguyên nhân, không ai biết ông T đi đâu, làm gì không báo tin và liên lạc gì về với gia đình, sau đó bà L đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự đề nghị tuyên bố ông T mất tích theo quy định của pháp luật, tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 08/2021/QĐST-VDS ngày 20/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang đã tuyên bố ông T mất tích, đến nay vẫn không có tin tức gì về ông T, xét thấy cuộc sống hôn nhân của bà L và ông T đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài thêm được nữa, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở cần được chấp nhận cho bà L được ly hôn ông T theo khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Xuân T có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/7/2016, hiện cháu H đang sinh sống và học tập cùng với bà L, mặt khác bà L có công việc và thu nhập ổn định từ lương đảm bảo cho cuộc sống của con chung; ông Nguyễn Xuân T hiện vẫn mất tích không có tin tức gì do vậy cần giao cháu H cho bà L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đến khi đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L một lần nữa xác nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 18/7/2016 cho bà Nguyễn Thị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đến khi cháu Hạ đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Buộc bà L phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 51BB-21P 0005002, ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Đạng